TÒA ÁN NHÂN DÂN Q. LIÊN CHIỂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 126 /2024/DS-ST
Ngày 23.9.2024.
(V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng và thẻ tín dụng).

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Đức Hoàng.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Vũ Ngọc Thanh.**

Ông **Nguyễn Văn Dũng.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thái Trâm Anh** - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu tham gia phiên tòa: Ông **Võ Quang Tiến** - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 131/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 06 năm 2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng thẻ tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2024/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2024/QĐST-DS ngày 14 tháng 9 năm 2024 giữa các đương sự:

- ***Nguyên đơn***: Ngân hàng TMCP Q1 chỉ: Tầng 1 (tầng trệt) và Tầng B, Tòa nhà S - A P, phường B, quận A, TP .

Địa chỉ liên hệ: Tầng F, Tòa nhà P U, phường B, quận B, TP .. Đại diện theo ủy quyền Võ Văn T và ông Trần Tiến L – Cán bộ Ngân hàng (theo văn bản ủy quyền ngày 5/6/2024). (Ông T có mặt).

- ***Bị đơn***: Ông Trần Văn Đ - sinh năm 1991 và Phan Thị Mỹ P - sinh năm 1992địa chỉ: Tổ I, phường H, quận L, TP .(vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***** Theo Đơn khởi kiện gửi đến Tòa án ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại Bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Võ Văn T trình bày**:** Ngân hàng TMCP Q1 (V) đã ký với ông Trần Văn Đ và bà Phan Thị Mỹ P các Hợp đồng tin dụng, cụ thể như sau:

1.Hợp đồng tin dụng số 5000962 21 ngày 12/07/2021: Số tiền giải ngân: 660.000.000 đồng (Bằng chữ: Sáu trăm sáu mươi triệu đồng); Mục đích giải ngân: Thanh toán mua 01 xe ô tô nhãn hiệu PEUGEOT 2008; Thời hạn vay: 96 tháng, từ ngày 13/07/2021 đến ngày 13/07/2029; Lãi suất tại thời điểm giải ngân: 7.8%/năm; Lãi suất sẽ được điều chỉnh lại 03 tháng một lần bằng lãi suất cơ sở theo quy định của V tại thời điểm điều chỉnh cộng biên độ 4.1%/năm; Trả nợ gốc: vào ngày 05 hàng tháng; kỳ trả đầu tiên 05/08/2021, mỗi kỳ trả 6,875,000 đồng; Trả nợ lãi: vào ngày 05 hàng tháng; Trả phí: theo quy đinh của V từng thời kỳ; Lãi quá hạn bằng 150 % lãi trong hạn. V đã giải ngân cho ông Trần Văn Đ và bà Phan Thị Mỹ P theo Đơn đề nghị giải ngân kiêm Khế ước nhận nợ số 5000962(1).21 ngày 13/07/2021 với số tiền 660,000,000 đồng theo đúng yêu cầu của khách hàng và phù hợp với Hợp đồng tín dụng.

2. Ngày 14/07/2021 khách hàng Trần Văn Đ có đơn Đề nghị phát hành Thẻ tín dụng quốc tế. Theo đó, V đã phát hành thẻ tín dụng cho khách hàng Trần Văn Đ, loại thẻ V, mục đích vay; tiêu dùng, lãi suất vay: theo quy định của VIB trong từng thời Do ông Trần Văn Đ và bà Phan Thị Mỹ P vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên khoản vay theo Hợp đồng tin dụng nêu trên đã chuyển nợ quá hạn từ ngày 05/12/2022. Tạm tính đến ngày 23.9.2024, số tiền ông Đ đã trả cho V là: 196,549,481 đồng (trong đó: gốc là 110,000,000 đồng, lãi là 86,549,481 đồng) và còn nợ Ngân hàng TMCP Q1 số tiền là: 814,288,422 đồng (T1 trăm mười bốn triệu hai trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng), cụ thể:

	Đơn vị : đồng				
HDTD	Nợ gốc	Nợ lãi trong hạn	Nợ lãi quá hạn	Phí	Tổng
5000962.21	550,000,000	8,253,627	215,505,198		773,758,825
Thẻ tín dụng	14,076,161	10,458,385		15,995,051	40,529,597
Tổng	564,076,161	18,712,012	215,505,198	15,995,051	814,288,422

- Trên cơ sở những nội dung đã trình bày trên, Ngân hàng TMCP Q1 (V) kinh đề nghị Quý Tòa xem xét giải quyết những yêu cầu sau:

1. Buộc ông Trần Văn Đ và bà Phan Thị Mỹ P phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Q1 ngay sau khi Bản án/Quyết định có hiệu lực thi hành, số tiền tạm tính đến ngày 23/9/2024 là: 814,288,422 đồng (Tám trăm mười bốn triệu hai trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng, cụ thể:

	Đơn vị : đồng				
HDTD	Nợ gốc	Nợ lãi trong hạn	Nợ lãi quá hạn	Phí	Tổng

5000962.21	550,000,000	8,253,627	215,505,198		773,758,825
Thẻ tín dụng	14,076,161	10,458,385		15,995,051	40,529,597
Tổng	564,076,161	18,712,012	215,505,198	15,995,051	814,288,422

2. Đề nghị Q tòa tiếp tục tính lãi, lãi quá hạn kể từ ngày 24/9/2024 cho đến khi ông Trần Văn Đ và bà Phan Thị Mỹ P thanh toán xong toàn bộ khoản nợ theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng (HĐTD) đã ký.

* Đối với bị đơn là ông Trần Văn Đ và Phan Thị Mỹ P: Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về việc hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, nhưng vắng mặt không có lý do. Do vậy phải chịu hậu quả pháp lý của việc không cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ chứng cứ của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Liên Chiểu phát biểu: Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định tại Điều 48; đảm bảo đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng các nguyên tắc xét xử, đảm bảo các bên đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ, việc hỏi và tranh tụng tại phiên tòa được tiến hành khách quan, đúng trình tự. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn, vắng mặt lần hai, không có lý do nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc vắng mặt. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 91, 95 luật các tổ chức tín dụng và điều 463, 466 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tạm tính đến hết ngày 23/09/2024, tổng dư nợ của ông Trần Văn Đ và Phan Thị Mỹ P tại V số tiền 814,288,422 đồng (*T1 trăm mười bốn triệu hai trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng)*, kể từ ngày 24/9/2024 ông Đ , bà P có nghĩa vụ thanh toán tiếp phần nợ lãi, lãi quá hạn và các chi phí khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng trên cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. ***Về thủ tục tố tụng :***

[1.1].*Về thẩm quyền giải quyết*: Ông Trần Văn Đ và Phan Thị Mỹ P; có địa chỉ tại: Tổ I, phường H, quận L, TP . vụ án thuộc Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Tranh chấp giữa các bên được xác định là tranh chấp về hợp đồng dân sự (Hợp đồng tín dụng) theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.3]. *Về sự vắng mặt của đương sự:* Ông Trần Văn Đ và Phan Thị Mỹ P đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia tố tụng tại phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án tiến hành xét xử vắng là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. ***Về nội Dung tranh chấp:***

[2.1]. Xét yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 5000962.21 ngày 12/7/2021 và Hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng (bao gồm Giấy đề nghị cấp thẻ tín dụng kiêm hợp đồng, bản Điều khoản và Điều kiện phát hành và sử dụng thẻ tín dụng 14/7/2021 giữa Ngân hàng TMCP Q1 (V) (nguyên đơn) được ký kết với ông Trần Văn Đ và Phan Thị Mỹ P (bị đơn) là giao dịch dân sự, thỏa mãn các điều kiện có hiệu lực của hợp đồng dân sự phù hợp với các điều 116, 117, 119 và Điều 463 Bộ luật dân sự 2015 nên có hiệu lực đối với các bên đã tham gia giao dịch.

Hợp đồng tín dụng cấp cho ông Đ , bà P 660,000,000đ và hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng trên là hợp đồng cho vay tiêu dùng cá nhân, phương thức cho vay với hình thức tín chấp cấp cho ông Đ với hạn mức thẻ tín dụng: 30.000.000 đồng; Trong quá trình vay ông Đ, bà P đã trả được 196,549,481 đồng (trong đó: gốc là 110,000,000 đồng, lãi là 86,549,481 đồng) Do vi phạm hợp đồng nên nguyên đơn đã chuyển nợ quá hạn kể từ ngày 05/12/2022 mặc dù nguyên đơn đã nhiều lần đôn đốc nhưng bị đơn vẫn chay lỳ. Nên Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả số tiền **814,288,422** đồng (*Tám trăm mười bốn triệu hai trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng)*, kể từ ngày 24/9/2024 bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiếp phần nợ lãi, lãi quá hạn và các chi phí khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng trên cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ

Như vậy, do Bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó HĐXX căn cứ các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng và Điều 463, 465 và 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn trả số nợ nói trên và bị đơn có nghĩa vụ thanh toán tiếp phần nợ lãi, lãi quá hạn và các chi phí khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng trên kể từ ngày 24/09/2024 cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ.

[2.2]. Đối với tài sản thế chấp là 01 xe ô tô nhãn hiệu PEUGEOT 2008 Ngân hàng không yêu cầu nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[3]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu của N đơn Ngân Hàng VIB nên bị đơn ông Trần Văn Đ và Phan Thị Mỹ P phải chịu án phí sơ thẩm là: 36.429.000 (*Ba mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi chín ngàn đồng*); căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng các điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;
- Áp dụng các điều 116, 117, 119, 463, 465 và Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 227; Điều 266, Điều 269 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu và quản lý sử dụng án phí và lệ phí.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của **Ngân hàng TMCP Q1 (V)** đối với ông Trần Văn Đ **và Phan Thị Mỹ P.**

Xử: Buộc ông Trần Văn Đ và Phan Thị Mỹ P phải trả cho Ngân hàng số tiền tạm tính đến ngày 23/9/2024 là: 814,288,422 đồng (*Tám trăm mười bốn triệu hai trăm tám mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi hai đồng)*, trong đó Hợp đồng tín dụng gốc 550,000,000đ, lãi trong hạn 8,253,627 đ, nợ lãi quá hạn 215,505,198đ tổng là 773,758,825đ và đối với thẻ tín dụng: gốc 14,076,161đ, lãi trong hạn10,458,358 đ, phí 15,995,051đ, tổng là 40,529,597đ); Kể từ ngày 24/9/2024 ông Trần Văn Đ và Phan Thị Mỹ P có nghĩa vụ thanh toán tiếp phần nợ lãi, lãi quá hạn và các chi phí khác (nếu có) phát sinh theo các Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng được ký kết ngày 12 và 14/7/2021 cho đến khi tất toán xong toàn bộ khoản nợ. Trong Hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kì của Ngân hàng cho vay thì lãi suất của khách hàng vay tiếp tục phải thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: 36.429.000 (*Ba mươi sáu triệu, bốn trăm hai mươi chín ngàn đồng*) ông Trần Văn Đ và Phan Thị Mỹ P.

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Q1 (V) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 14.355.807 đồng (*Mười bốn triệu, ba trăm năm mươi lăm ngàn tám trăm lẻ bảy*) theo biên lai thu số 738 ngày 12/06/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Q1 (V) có quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn ông Trần Văn Đ và Phan Thị Mỹ P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND Q.Liên Chiểu;
- Chi cục THADS Q.Liên Chiểu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã Ký

Nguyễn Đức Hoàng